

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 09-8-2021  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lâm Anh Luyện.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hứa Thị Thu.  
2. Bà Trần Thị Hoài.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Đài Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Hoàng Thị C** - Sinh năm: 1977; Số CMND 073343672, cấp ngày 26-6-2019, nơi cấp: Công an tỉnh H; Địa chỉ: Thôn Cốc Thổ, xã Ngọc L, huyện V, tỉnh H. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Giáy; Trình độ văn hóa: 08/12 (Vắng mặt có đơn xin xét xử)

2. *Bị đơn:* Anh **Bà Văn V** - Sinh năm 1977; Số CMND 073383686, cấp ngày 27-6-2011, nơi cấp: Công an tỉnh H; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Tày; Địa chỉ: Thôn Cốc Thổ, xã Ngọc L, huyện V, tỉnh H (Vắng mặt lần thứ hai không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 4 năm 2021 cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị C trình bày: Chị C và anh Bà Văn V trước khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện về chung sống với nhau từ tháng 11/1998, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thời gian đầu vợ chồng chị chung sống bình thường. Đến khoảng cuối năm 2000 vợ, chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống vợ, chồng có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, bên cạnh đó anh V không chịu khó làm ăn, ham chơi, chị C có khuyên bảo, anh V không nghe còn có những lời lẽ xúc phạm và đánh đập chị C nhiều lần, sự mâu

thuần của vợ, chồng đã được nhờ cấp chính quyền giải quyết nhiều lần nhưng vợ, chồng vẫn không khắc phục được. Vợ, chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình. Nay chị C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho chị C được ly hôn với anh Bà Văn V để mỗi người có một cuộc sống riêng

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ, chồng chị C và anh V có hai con chung: Cháu Bà Văn N, sinh ngày 14-8-1999; Cháu Bà Văn Ni, sinh ngày 02-8-2003. Hiện nay cháu N đã trưởng thành chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Ni hiện nay đang ở với chị tại thôn Cốc Thổ, xã Ngọc L, huyện V, tỉnh H. Ly hôn chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ni đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, chị C không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Bà Văn V nhiều lần, nhưng anh V không đến Tòa án để làm việc. Ngày 13-7-2021, Tòa án đã tiến hành xác minh tại thôn Cốc Thổ, xã Ngọc L, huyện V, tỉnh H. Qua xác minh cho thấy, anh Bà Văn V hiện tại vẫn có mặt tại địa phương, anh V đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án và có quan điểm từ chối đến Tòa án để giải quyết. Mâu thuẫn vợ, chồng chị C và anh V là do vợ, chồng bất đồng quan điểm sống. Do các đương sự không có đăng ký kết hôn, Tòa án đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị Hoàng Thị C có đơn xin giải quyết vắng mặt ghi ngày 15 tháng 7 năm 2021. Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, đơn xin giải quyết vắng mặt của chị Hoàng Thị C và các tài liệu kèm theo. Chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn đối với anh V. Về con chung: ngày 03-8-2021 chị Hoàng Thị C đã có đơn bổ sung không yêu cầu giải quyết đối với cháu Bà Văn Ni, sinh ngày 02-8-2003 vì hiện nay cháu Ni đã đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và công nợ: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Anh Bà Văn V vắng mặt không có lý do (Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Hoàng Thị C đối với anh Bà Văn V.
2. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng đối với chị Hoàng Thị C và anh Bà Văn V.
3. Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị C và anh V có hai con chung là cháu Bà Văn N , sinh ngày 14-8-1999 và cháu Bà Văn Ni, sinh ngày 02-8-2003. Hiện nay cháu N, cháu Ni đã trưởng thành chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy không đề cập giải quyết.
4. Về tài sản, công nợ chung: Chị C và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đề cập giải quyết
5. Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị C về việc xin ly hôn với anh Bà Văn V được Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị C và anh Bà Văn V tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 11/1998 đến nay nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Việc chung sống giữa chị C và anh V trên cơ sở tự nguyện, trong quá trình chung sống thời gian đầu chị C và anh V hoà thuận hạnh phúc. Đến cuối năm 2020 vợ, chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự hoà hợp mỗi người có một tính cách riêng, nên thường xuyên xảy ra, cãi chửi nhau, từ tháng 10/2018 chị C, anh V sống ly thân cho đến nay, mâu thuẫn đã trầm trọng không còn khả năng khắc phục được chị C xin được ly hôn với anh Bà Văn V. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị C và anh Bà Văn V không đăng ký kết hôn theo khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ tại khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với chị Hoàng Thị C và anh Bà Văn V là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị C và anh V có hai con chung là cháu Bà Văn N , sinh ngày 14-8-1999 và cháu Bà Văn Ni, sinh ngày 02-8-2003. Hiện nay cháu N, cháu Ni đã trưởng thành chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Vợ, chồng chị C, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị C và anh Bà Văn V được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

### **Căn cứ:**

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện:* Về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa chị Hoàng Thị C đối với anh Bà Văn V.

2. *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với chị Hoàng Thị C và anh Bà Văn V.

3. *Về con chung:* Không yêu cầu giải quyết .

4. *Về tài sản, công nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về án phí:* Chị Hoàng Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002020 ngày 22 tháng 4 năm 2021. Chị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. *Quyền kháng cáo:* Báo cho chị C, anh V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án (09-8-2021).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- TAND tỉnh;
- UBND xã Ngọc L;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Anh Luyện**